

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS - ST
Ngày 08/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Nguyễn Tiến Dũng

2/Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2023/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 24/11/2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Q, sinh ngày 25/5/1986 tại huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu A, xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H, sinh năm 1963 và bà: Quản Thị L, sinh năm 1962; vợ: Trần Thị H1, sinh năm 1994; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018.

- Tiền sự: Không

- Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2021/HSST ngày 03/12/2021 của TAND huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, tuyên phạt Trần Văn Q 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ ngày 07/10/2022;

2. Quản Đức T, sinh ngày 22/10/1991 tại huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu A, xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quản Xuân L1, sinh năm 1957 và bà: Trần Thị V, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1992; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019

-Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2010/HSST ngày 30/7/2010 của TAND tỉnh Phú Thọ, tuyên phạt Quản Đức T 10 năm tù về tội Giết người. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án, ra trại ngày 31/8/2015;

3. Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 13/10/1981 tại huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu A, xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức T1, đã chết và bà: Lê Thị L2, sinh năm 1955; vợ: Lương Thị H2, sinh năm 1984; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22 tháng 6 năm 2016 Công an phường B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

4. Phan Văn T2, sinh ngày 12/02/1983 tại huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu G, xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn H3, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1955; Trần Lê N, sinh năm 1984; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/2/2014 Công an huyện L xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép pháo.

Các bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 08/8/2023 đến ngày 11/8/2023, hiện các bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 08/8/2023, Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1981, Trần Văn Q, sinh năm 1986 ở khu 1, Phan Văn T2, sinh năm 1983 đều ở khu G, xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đến nhà ở của Quản Đức T, sinh năm 1991, ở khu A, xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ chơi, uống nước. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ, Phan Văn T2, Trần Văn Q cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh bài Liêng, được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Tất cả đồng ý và đi vào ngồi trên giường ngủ tại phòng ngủ tầng 1 nhà ở của Quản Đức T để đánh bạc. Trước khi chơi đánh bạc, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ, Phan Văn T2, Trần Văn Q thống nhất, thỏa thuận với nhau mỗi người bỏ ra số tiền 200.000 đồng để sau khi đánh bạc xong tất cả cùng đi ăn uống, tất cả đồng ý. Sau đó T lấy 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân để đánh bạc, Đ, T2, Q cùng ngồi lên giường để đánh bạc, các đối tượng đánh bạc liên tục đến 13 giờ 45 phút cùng ngày khi T, Đ, T2 và Q đang đánh bạc thì bị Công an huyện L phối hợp với Công an xã T bắt quả tang. Thu giữ tại vị trí ngồi đánh bạc của Quản Đức T số tiền 2.700.000 đồng, tại vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn

Đức Đ số tiền 6.500.000 đồng, tại vị trí ngồi đánh bạc của Phan Văn T2 số tiền 1.050.000 đồng, tại vị trí ngồi đánh bạc của Trần Văn Q số tiền 8.050.000 đồng và 1.200.000 đồng tại giữa chiếu bạc là tiền cược của ván bài các đối tượng đang chơi khi bị phát hiện, 800.000 đồng là số tiền các đối tượng góp trước khi đánh bạc, cùng vật chứng sử dụng đánh bạc gồm: 52 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếu cói màu nâu vàng các đối tượng sử dụng để đánh bạc.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Quản Đức T. Quá trình khám xét không phát hiện, thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tại cơ quan điều tra, Thắng Đ1, T2, Q khai nhận, trong quá trình đánh bạc, các bị can quy định thống nhất về cách thức và mức tiền cược cụ thể như sau:

Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chơi ván đầu tiên (không cược tiền) xác định người thắng để được cầm cái và đặt cược đầu tiên ở ván tiếp theo. Người cầm cái chia cho mỗi người chơi 03 quân bài, mỗi người chơi đặt 50.000 đồng vào giữa chiếu gọi là tiền “Gà” để cược, sau đó người cầm cái có quyền đặt cược (hay còn gọi là “Tổ”) đầu tiên, (người cầm cái có thể lựa chọn úp bài, người bên cạnh tiếp theo vòng sẽ là người tổ đầu tiên), những người chơi còn lại lần lượt theo vòng có quyền lựa chọn: Úp bài (người chơi sẽ mất đi số tiền gà và kết thúc ván bài); tổ theo (đặt tiền cược bằng với số tiền người tổ liền trước) và tổ thừa (đặt tiền cược nhiều hơn số tiền người tổ liền trước). Trong một ván những người chơi ai muốn tổ thừa đều được và được tổ thừa nhiều vòng nhưng mức thừa thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất không quá 200.000 đồng cho một lần tổ. Ván bài kết thúc khi những người tổ sau đều tổ theo, hoặc đều úp bài. Sau khi tổ xong những người tham gia tổ sẽ mở bài, so điểm 03 quân bài của mình với những người còn lại. Người có bài điểm cao nhất là người thắng toàn bộ số tiền cược của ván bài. Cách tính điểm từ cao xuống thấp lần lượt như sau:

Bài sấp: Là 03 lá bài cùng một quân, độ mạnh giảm dần từ A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2;

Bài liêng: Là 03 lá bài liên tiếp nhau về thứ tự, cao nhất là bộ Q2, K, A; thấp nhất là bộ A, 2, 3. Khi có nhiều người có cùng bộ liêng thì so sánh đến chất của lá bài cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp là “Rô”, “Cỏ”, “Tép”, “B”;

Ảnh: Là 03 lá bài đều là các lá J, Q hoặc K (trừ trường hợp sấp J, sấp Q, sấp K), nếu người chơi cùng bộ ảnh thì so chất của lá bài cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp là “Rô”, “Cỏ”, “Tép”, “B”;

Điểm: Là tổng điểm của 03 lá bài, lấy số hàng đơn vị. Cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Các quân bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính với số điểm tương ứng là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; các quân bài 10, J, Q, K được tính bằng 0 điểm; quân bài A được tính bằng 1 điểm. Nếu người chơi bằng điểm nhau thì so sánh đến chất trong bài, bài có chất cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp là “Rô”, “Cỏ”, “Tép”, “B”. Nếu người chơi

bằng điểm và có cùng chất bài cao nhất, thì lá bài cao hơn sẽ thắng theo thứ tự A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2;

Số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

- Quản Đức T đem theo 7.500.000 đồng trước khi đánh bạc T góp 200.000 đồng cùng mọi người để đi ăn uống sau khi đánh bạc còn 7.300.000 đồng T sử dụng toàn bộ số tiền để đánh bạc. T tham gia đánh nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Khi bị bắt T có 2.700.000 đồng, và đặt cược 300.000 đồng, xác định T thua 4.000.000 đồng;

- Nguyễn Đức Đ đem theo 4.000.000 đồng trước khi đánh bạc Đ góp 200.000 đồng cùng mọi người để đi ăn uống sau khi đánh bạc còn 3.800.000 đồng Đ sử dụng toàn bộ số tiền để đánh bạc. Đ tham gia đánh nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Khi bị bắt Đ có 6.500.000 đồng, và đặt cược 300.000 đồng, xác định Đ thắng 4.000.000 đồng;

- Phan Văn T2 đem theo 1.300.000 đồng trước khi đánh bạc T2 góp 200.000 đồng cùng mọi người để đi ăn uống sau khi đánh bạc còn 1.100.000 đồng T2 sử dụng toàn bộ số tiền để đánh bạc. T2 tham gia đánh nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Khi bị bắt T2 có 1.050.000 đồng, và đặt cược 300.000 đồng, xác định T2 thắng 250.000 đồng;

- Trần Văn Q đem theo 7.500.000 đồng trước khi đánh bạc Q góp 200.000 đồng cùng mọi người để đi ăn uống sau khi đánh bạc còn 7.300.000 đồng Q sử dụng toàn bộ số tiền để đánh bạc. Quyết tham gia đánh nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Khi bị bắt Quyết có 8.050.000 đồng, và đặt cược 300.000 đồng, xác định Quyết thắng 1.050.000 đồng;

Trước khi đánh bạc T, Đ, T2, Q cùng mọi người góp tiền để đi ăn uống sau khi đánh bạc với tổng số tiền là 800.000 đồng nên không xác định đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc phải chịu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra có đủ cơ sở xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc ngày 08/8/2023 là 19.500.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đánh bạc của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng cùng tài liệu khác được thu thập trong vụ án.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Trần Văn Q, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ và Phan Văn T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 51/CT - VKSLT ngày 12/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đã truy tố các bị cáo, Trần Văn Q, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ và Phan Văn T2 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện lâm Thao giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Q). Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự (đối với Đ, T2); Khoản 1 Điều 321; điểm

s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự (đối với T); điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử phạt các bị cáo:

- Trần Văn Q từ 07 đến 09 tháng tù. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (Từ ngày 08/8/2023 đến ngày 11/8/2023), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Bị cáo Quản Đức T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Quản Đức T thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Quản Đức T.

- Bị cáo Nguyễn Đức Đ từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 03 ngày (Từ ngày 08/8/2023 đến ngày 11/8/2023) quy đổi = 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 17 tháng 21 ngày đến 23 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Phan Văn T2 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 03 ngày (Từ ngày 08/8/2023 đến ngày 11/8/2023) quy đổi = 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 11 tháng 21 ngày đến 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo Đ và T2 vì các bị cáo không có thu nhập ổn định. Buộc các bị cáo Nguyễn Đức Đ và Phan Văn T2 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Đức Đ, Phan Văn T2.

Áp dụng các quy định của pháp luật về xử lý vật chứng và án phí.

Trước khi tuyên án, cho các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Các bị cáo Trần Văn Q, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ và Phan Văn T2 đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho các bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2] *Về nội dung:*

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng từ 12 giờ 00 phút đến 13 giờ 45 phút ngày 08/8/2023, tại phòng ngủ tầng 1 nhà ở của gia đình Quản Đức T thuộc khu A, xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. T cùng Trần Văn Q, Nguyễn Đức Đ và Phan Văn T2 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi bài “Liêng” được thua bằng tiền Việt Nam đồng với tổng số tiền là 19.500.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố các bị cáo về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vụ án tuy thuộc loại tội ít nghiêm trọng, song hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, năng lực hành vi để nhận thức được hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi “Liêng”, sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật gây mất trật tự công cộng, làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác cũng như ảnh hưởng đến kinh tế hạnh phúc gia đình nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu sài không phải lao động nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội, vì vậy cần phải đưa ra xét xử và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vụ án có đồng phạm nhưng giản đơn, trước khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Trần Văn Q có một tiền án tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2021/HSST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xử Trần Văn Q

09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Điều đó chứng tỏ bị cáo bất chấp, coi thường pháp luật. Do vậy, cần áp dụng cho bị cáo hình phạt tù mới có thể giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Q còn ủng hộ quỹ vì người nghèo tại UBND xã T, huyện L số tiền 3.000.000 đồng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn Q.

Đối với bị cáo Quản Đức T không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2010/HSST ngày 30/7/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử bị cáo 10 năm tù về tội Giết người. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, ra trại ngày 31/8/2015. Ở lần phạm tội này bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm giản đơn. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo T còn ủng hộ quỹ vì người nghèo tại UBND xã T, huyện L số tiền 3.000.000 đồng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Xét thấy, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng mà cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội ấn định một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự là cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện và cũng là phù hợp với đường lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Quản Đức T.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ và Phan Văn T2 đều chưa có tiền án, tiền sự không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nhưng các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo Đ đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo T2 đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép pháo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình các bị cáo Nguyễn Đức Đ có bố là Nguyễn Đức T1 được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhất, huân chương chiến công hạng nhì, bị cáo Phan Văn T2 có ông ngoại được tặng huân chương kháng chiến hạng

nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Đồng thời số tiền đánh bạc nhiều hơn bị cáo T2. Vì vậy, mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức Đ sẽ cao hơn so với bị cáo Phan Văn T2.

Xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự là cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Hiện nay, các bị cáo Nguyễn Đức Đ và Phan Văn T2 lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo. Vì vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự, cần buộc các bị cáo Nguyễn Đức Đ và Phan Văn T2 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG: Các bị cáo Trần Văn Q, Quản Đức Thắng Nguyễn Đức Đ2 và Phan Văn T2 qua xác minh và thẩm vấn công khai tại phiên tòa các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng), là số tiền các bị cáo đã sử dụng vào đánh bạc.

Đối với 52 quân tú lơ khơ; 01 chiếc cói màu nâu vàng cần tịch thu tiêu hủy.

Cần trả lại cho bị cáo Trần Văn Q1, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ2 và Phan Văn T2 mỗi bị cáo 200.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2023).

[3] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Q1). Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự (đối với Đ2, T2); Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự (đối với T); điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn Q, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ2 và Phan Văn T2 phạm tội: “Đánh bạc”

[2] Xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn Q 08 (T4) tháng tù, bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (Từ ngày 08/8/2023 đến ngày 11/8/2023), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn Q

- Bị cáo Quản Đức T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Quản Đức T thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Quản Đức T cho UBND xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Quản Đức T thay đổi nơi cư trú thì UBND xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Quản Đức T.

- Bị cáo Nguyễn Đức Đ2 từ 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 03 ngày (Từ ngày 08/8/2023 đến ngày 11/8/2023) quy đổi = 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 17 (Mười
9

bảy) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

- Bị cáo Phan Văn T2 từ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 03 ngày (Từ ngày 08/8/2023 đến ngày 11/8/2023) quy đổi = 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 11 (Mười một) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức Đ2, Phan Văn T2 cho UBND xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Đức Đ2, Phan Văn T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Đức Đ2, Phan Văn T2 Buộc các bị cáo Nguyễn Đức Đ2, Phan Văn T2 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Các bị cáo Nguyễn Đức Đ2, Phan Văn T2 phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ2, Phan Văn T2.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 19.500.000đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 52 quân tú lơ khơ; 01chiếu cói màu nâu vàng.

Trả lại cho bị cáoTrần Văn Q1, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ2 và Phan Văn T2 mỗi bị cáo 200.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2023).

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Văn Q, Quản Đức T, Nguyễn Đức Đ2 và Phan Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị TAND tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên